

Bản án số: 63/2024/HSST

Ngày: 10/7/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Tuấn
2. Bà Đặng Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 48/2024/TLST- HS ngày 28 tháng 5 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/4/1958 tại Thái Nguyên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố B, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thiện K và con bà: Đặng Thị E (đều đã chết); chồng: Thái Văn L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 316/HSST ngày 16/12/1999, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 4 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Năm 2005 Công an huyện (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc với hình thức ghi lô đề, mức phạt 200.000 đồng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt)

* *Người bào chữa cho bị cáo do Đoàn luật sư tỉnh T cử:* Bà Nguyễn Thị Kim T1 – Luật sư, văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. (Có mặt).

* *Người chứng kiến:*

Bà Vũ Thị Ngọc L1, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ Dân phố B, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 30 phút ngày 04/01/2024, tại tổ dân phố B, phường B, T, tỉnh Thái Nguyên, tổ công tác của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh T bắt quả tang Nguyễn Thị T về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”, vật chứng thu giữ của Tuất gồm: 02 túi nilon (01 túi màu xanh, 01 túi màu hồng) niêm phong A, bên trong chứa tổng số 381 viên nén màu hồng, theo T khai nhận là ma túy tổng hợp hồng phiến. Số ma túy trên được T cất giấu bên trong áo ngực bên trái với mục đích dùng để bán kiếm lời. Ngoài còn thu giữ của T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu xanh, mặt màn hình bị nứt vỡ, 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị T và 1.000.000 đồng.

Cùng ngày cơ quan điều tra tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Thị T tại tổ dân phố B, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên nhưng không phát hiện thu giữ gì.

Tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng 381 viên nén màu hồng thu giữ của T có khối lượng 36,29 gam, đồng thời lấy 10 viên nén màu hồng có khối lượng 0,94 gam làm mẫu gửi giám định giám định ký hiệu bì A1, còn lại niêm phong bì A2 lưu kho.

Tại bản kết luận giám định số 182/KL-KTHS ngày 12/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: Các viên nén màu hồng trong bì niêm phong ký hiệu A1 thu giữ của Nguyễn Thị T gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng thu giữ ban đầu là 36,29 gam.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị T khai nhận như sau: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 03/01/2024, Trần Đăng N, sinh năm 1980, trú tại Tổ dân phố Q, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên có mang theo 02 túi ma túy tổng hợp hồng phiến đến nhà T thuộc tổ dân phố B, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên bán cho T với giá 10.000.000 đồng nhưng T chưa trả tiền cho N và hẹn khi bán xong số ma túy trên Tuất sẽ trả tiền cho N. Sau đó, T cất giấu trên người với mục đích tìm người mua để bán kiếm lời. Đến 10 giờ 30 phút ngày 04/01/2024 thì bị Tổ công tác của Công an tỉnh T bắt quả tang thu giữ vật chứng nêu trên.

Cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai của Trần Đăng N, khai như sau: N có quen biết với T nhưng không thừa nhận việc mua bán trái phép chất ma túy cho T như T đã khai. Tiến hành đối chất giữa N và T thì T thay đổi lời khai, T khai N có gọi điện thoại liên lạc với T để hỏi thăm việc con trai T đi chấp hành án phạt tù và không liên quan gì đến việc mua bán trái phép chất ma túy. Số ma túy bị thu giữ là T mua của một người nam giới không rõ tên tuổi địa chỉ vào ngày 28/12/2023 khi người nam giới đến quán nhà T uống nước, với giá 10.000.000 đồng nhưng chưa trả tiền, hẹn khi nào bán xong sẽ trả tiền.

Tại Cáo trạng số 60/CT-VKS-P1 ngày 22/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Thị Tuất về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận: Tuất bán hàng nước và tạp hóa tại nhà, trong quá trình bán hàng thì có người nam giới đến uống nước, sau đó nói chuyện làm quen và bảo T có nhu cầu mua ma túy thì người nam giới sẽ bán cho, đến ngày 28/12/2023 người nam giới đến quán của T bán cho T 02 túi ma túy tổng hợp với giá 10.000.000 đồng nhưng chưa trả tiền, hẹn khi nào bán xong sẽ trả tiền. Mục đích T mua ma túy để bán kiếm lời. Nếu không bị bắt Tuất sẽ bán được 50.000đồng/01 viên.

Phản luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 15 năm đến 16 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng.

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: 01 chiếc điện thoại di động NOKIA thu giữ của bị cáo bị nứt màn hình và số vật chứng thu giữ của bị cáo T là ma túy không có giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo 1.000.000đồng. Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị T.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố và luận tội đối với bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo phạm tội là phụ nữ, đã cao tuổi, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án 15 năm tù. Bị cáo phạm tội là người cao tuổi nên miễn hình phạt bổ sung và án phí cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Bị cáo là người cao tuổi tuy nhiên bị cáo phạm tội có tính chất lợi nhuận, có tài sản riêng và đã thu giữ 1.000.000 đồng của bị cáo nên cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền; đối với tiền án phí đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định.

Bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của luật sư, không bổ sung gì. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa người chứng kiến vắng mặt nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều là hợp pháp.

[3]. Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Ngày 04/01/2024 tại tổ dân phố B, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Thị T có hành vi cất giấu trong người 36,29gam ma túy, loại Methamphetamine mục đích để bán để kiếm lời, nhưng chưa kịp bán thì bị cơ quan Công an tỉnh T bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 15 năm đến 20 năm:

b, Methamphetamine... có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam”.

[4]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, hành vi của bị cáo là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, buộc bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

[5]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự nhưng có nhân thân xấu, bị cáo đã từng bị phạt tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học, tu dưỡng rèn luyện bản thân, lại tiếp tục phạm tội cùng tính chất, điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật. Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật

hình sự là “Thành khẩn khai báo”. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6]. Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, có nhân thân xấu, tuy nhiên bị cáo là phụ nữ, tuổi đã cao nên Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo.

Bị cáo phạm tội có tính chất lợi nhuận, theo khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự thì phải chịu hình phạt bổ sung. Bị cáo là người cao tuổi, nhưng có tài sản riêng, mặt khác cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo một khoản tiền, do đó cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền nộp ngân sách nhà nước.

[7]. Vật chứng vụ án:

- Các phong bì ký hiệu: A1, A2, A3 là ma túy + túi nilon và vỏ bì niêm phong không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

- 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị T là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- 01 chiếc điện thoại di động và 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo: Bị cáo khai không dùng vào việc phạm tội, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[8]. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Như phân tích trên xét mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của luật sư Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[10]. Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo khai đã mua của một người nam giới không rõ họ tên, địa chỉ, do đó cơ quan điều tra kết luận không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 15 (Mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2024.

Phạt bổ sung cho bị cáo 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2. Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

- + 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu A2, trên niêm phong có các chữ ký của Nguyễn Thị T, Vũ Thị Ngọc L1 cùng các thành phần niêm phong và 03 hình

dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T; bên ngoài ghi: 35,35 gam Methamphetamine.

+ 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu A3, trên niêm phong có các chữ ký của Nguyễn Thị T, Vũ Thị Ngọc L1 cùng các thành phần niêm phong và 03 hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T; bên ngoài ghi: Túi nilon màu hồng, túi nilon màu xanh và vỏ bì niêm phong ký hiệu A.

+ 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu A1, trên niêm phong có các chữ ký của Lê Kim Anh T2 cùng các thành phần niêm phong và 02 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh T; bên ngoài ghi: Hoàn trả 0,803 gam mẫu A1 và vỏ bao gói còn lại sau giám định vụ: Nguyễn Thị T, sn 1958 phạm tội về ma túy ký hiệu A1.

- Trả lại cho bị cáo: 01 căn cước công dân số 019158007122 mang tên Nguyễn Thị T;

- Tạm giữ để thi hành án cho bị cáo: 1.000.000đồng (Một triệu đồng); 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA (được đựng trong 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu B1, trên niêm phong có các chữ ký của Nguyễn Thị T, Vũ Thị Ngọc L1 cùng các thành phần niêm phong và 03 hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T; bên ngoài ghi: 01 điện thoại di động NOKIA, vỏ màu xanh, màn hình bị nứt vỡ, số sê-ri 1: 358998092125858, số sê-ri 2: 358998093125857, lắp số thuê bao 0945174856.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 92 ngày 28/5/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T với Cục THADS tỉnh T và ủy nhiệm chi số 101 ngày 23/5/2024).

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC; TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN; Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Nhài